

Số: 405/2026/QĐST-HNGĐ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều: 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 582/2026/TLST-VDS ngày 22/6/2026 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Phùng Thị A, sinh năm 1989; căn cước công dân số: 038189029116; địa chỉ: Nhà trọ N2, số nhà E, đường Đ, tổ C, khu phố P, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Võ Văn N, sinh năm 1987; căn cước công dân số: 060209001298; địa chỉ: Nhà trọ N2, số nhà E, đường Đ, tổ C, khu phố P, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phùng Thị A và ông Võ Văn N tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Bình Thuận (nay là xã S, tỉnh Lâm Đồng) năm 2009 và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 38/2009, quyền số 01 ngày 06/07/2009. Thời gian đầu sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn và không thể hàn gắn; cả hai không còn tình cảm với nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống nên bà Phùng Thị A và ông Võ Văn N thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Bà Phùng Thị A và ông Võ Văn N có 02 con chung là cháu Võ Hồng An N1, sinh ngày 23/12/2019 và cháu Võ Gia H, sinh ngày 11/8/2009. Khi ly hôn, bà A và ông N thỏa thuận giao con chung là cháu Võ Hồng

An N1, sinh ngày 23/12/2019 và cháu Võ Gia H, sinh ngày 11/8/2009 cho bà Phùng Thị A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Phùng Thị A và ông Võ Văn N thỏa thuận ông Võ Văn N cấp dưỡng nuôi con chung tên Võ Hồng An N1, sinh ngày 23/12/2019, mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng); cấp dưỡng nuôi con chung tên Võ Gia H, sinh ngày 11/8/2009, mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Thời gian bắt đầu cấp dưỡng tính từ tháng 06/2026 cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phùng Thị A và ông Võ Văn N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Việc thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 22 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà Phùng Thị A và ông Võ Văn N.

- Về con chung: Bà Phùng Thị A và ông Võ Văn N có 02 con chung là cháu Võ Hồng An N1, sinh ngày 23/12/2019 và cháu Võ Gia H, sinh ngày 11/8/2009. Khi ly hôn, bà A và ông N thỏa thuận giao con chung là cháu Võ Hồng An N1, sinh ngày 23/12/2019 và cháu Võ Gia H, sinh ngày 11/8/2009 cho bà Phùng Thị A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Võ Văn N cấp dưỡng nuôi con chung tên Võ Hồng An N1, sinh ngày 23/12/2019, mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng); cấp dưỡng nuôi con chung tên Võ Gia H, sinh ngày 11/8/2009, mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Thời gian bắt đầu cấp dưỡng tính từ tháng 06/2026 cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bà Phùng Thị A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Võ Văn N chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, thì hàng tháng ông Võ Văn N còn phải nộp tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con, không ai được quyền cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi con của người còn lại thì người này có quyền yêu cầu hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc

cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm: Bà Phùng Thị A và ông Võ Văn N, mỗi người tự nguyện chịu số tiền 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0037191 ngày 12/6/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- UBND xã Sông Lũy, tỉnh Lâm Đồng;
- Người yêu cầu;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự, VP.

THẨM PHÁN

Dương Thị Kim Thoa